ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 17 /2017/QĐ-UBND	*Đắk Nông, ngày 07 tháng 8 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về cơ chế lồng ghép và quản lý các nguồn vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2017-2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12/11/2015 của Quốc hội, về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ, ban hành cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ, ban hành quy chế quản lý, điều hành các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ, ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững;

Căn cứ Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg ngày 22/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ, ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 01/2017/TT-BKHĐT ngày 14/02/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, hướng dẫn quy trình lập kế hoạch đầu tư cấp xã thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 01/2017/TT-BDT ngày 10/5/2017 của Ủy ban Dân tộc, quy định chi tiết thực hiện Dự án 2 (Chương trình 135) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Thực hiện Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ, về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Thực hiện Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ, về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 76/TTr-SKHĐT ngày 29 tháng 6 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về cơ chế lồng ghép và quản lý các nguồn vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2017 - 2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2017.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Chủ tịch UBND các xã trên địa bàn tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư p
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉn
- Báo Đắk Nông;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- VP Điều phối XD CT NTM tỉnh;
- Chi cục VTLT tỉnh;
- UBND các xã trên địa bàn tỉnh; (*do UBND các huyện sao gửi*);
- Lưu: VT, TH, KTKH.

17

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Người ký: Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Nông
Email: ubnd@daknong.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Đắk Nông
Thời gian ký: 07.08.2017 10:55:03 +07:00

Nguyễn Bốn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Cơ chế lồng ghép và quản lý các nguồn vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2017 - 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 17 /2017/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2017 của UBND tỉnh Đắk Nông)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về cơ chế lồng ghép và quản lý các nguồn vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2017-2020, bao gồm: Ngân sách nhà nước, trái phiếu Chính phủ, hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ, vốn tín dụng Nhà nước, vốn hỗ trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước và các nguồn vốn hợp pháp khác. Trong đó, chủ đạo là lồng ghép tất cả các nguồn lực đầu tư trên địa bàn các xã của tỉnh nhằm mục tiêu phấn đấu đến năm 2020 có nhiều xã hoàn thành nhiều tiêu chí nông thôn mới, giảm tỷ lệ hộ nghèo, có điều kiện kinh tế - xã hội phát triển ổn định, bền vững.

2. Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc huy động nguồn lực, thực hiện lồng ghép và quản lý các nguồn vốn trong đầu tư xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Nguyên tắc chung

1. Việc bố trí lồng ghép các nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước cho chương trình xây dựng nông thôn mới là để khơi dậy, thu hút tối đa các nguồn lực của người dân, tổ chức, doanh nghiệp cùng tham gia thực hiện hoàn thành 19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh; thực hiện việc lồng ghép nguồn vốn từ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới, đặc biệt là các tiêu chí về hộ nghèo, thu nhập, tổ chức phát triển sản xuất và lao động có việc làm trong bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

2. Trong phân bổ và lồng ghép các nguồn vốn, phải lấy xã xây dựng nông thôn mới làm trung tâm để ưu tiên bố trí các nguồn lực thực hiện, bảo đảm tập trung các nguồn vốn phục vụ nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh. Việc lồng ghép nguồn vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững thực hiện trên địa bàn các xã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 (về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã Khu vực III, Khu vực II, Khu vực I thuộc vùng

đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020) và Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 (về việc phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư Chương trình 135 giai đoạn 2017 - 2020).

3. Tăng cường phân cấp, trao quyền cho cấp xã quản lý và tổ chức thực hiện các công trình, dự án của chương trình xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững; phát huy vai trò làm chủ của người dân và cộng đồng, thực hiện dân chủ cơ sở trong quá trình lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát, đánh giá hiệu quả của các Chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện trên địa bàn.

4. Xác định việc xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo và phát triển kinh tế - xã hội ở các xã, thôn, buôn, bon trên địa bàn tỉnh là của người dân, hướng đến người dân, vì người dân và là sự nghiệp của người dân; gắn quyền lợi của người thụ hưởng với quá trình huy động, đóng góp và tham gia thực hiện của người dân trong thực hiện các mục tiêu, tiêu chí của các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn. Từ đó động viên, khuyến khích người dân tự nguyện tham gia đóng góp nguồn lực, nhân lực thực hiện chương trình.

5. Đối với các nguồn vốn do UBND cấp xã, cấp huyện tự huy động, bao gồm: vốn hỗ trợ từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, huy động đóng góp của cộng đồng dân cư,... thì UBND cấp xã, cấp huyện tự tổ chức triển khai thực hiện trên cơ sở thỏa thuận với bên tài trợ và phải bảo đảm thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

6. Trong thực hiện việc đầu tư xây dựng và thực hiện các mục tiêu của các Chương trình mục tiêu quốc gia tại huyện, xã phải thực hiện theo quy chế dân chủ cơ sở, bảo đảm công khai, minh bạch.

7. Các chương trình dự án, trước khi thực hiện đầu tư vào địa bàn phải xác định gắn với xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững tại các xã trên địa bàn tỉnh.

8. Dự án được lồng ghép phải nằm trong quy hoạch, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020.

9. Trong quá trình thực hiện lồng ghép các nguồn vốn khác nhau từ các chương trình, dự án phải bảo đảm nguyên tắc có cùng nhiệm vụ và mục tiêu; trong quá trình lồng ghép không làm thay đổi mục tiêu riêng của các chương trình dự án; đảm bảo hiệu quả đầu tư của các chương trình, dự án khi tham gia lồng ghép.

Chương II
LỒNG GHÉP VÀ QUẢN LÝ CÁC NGUỒN VỐN

Điều 3. Quy định các nguồn vốn thực hiện lồng ghép

Tùy theo từng huyện, từng xã có những nguồn vốn nào thực hiện đầu tư

trên địa bàn thì thực hiện việc lồng ghép để hoàn thành các mục tiêu của chương trình xây dựng nông thôn mới và thực hiện giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội của huyện, xã. Các chương trình, dự án khi đầu tư ở địa bàn các xã trong tỉnh cần phải bám sát các mục tiêu và tiêu chí xây dựng nông thôn mới, gắn với các mục tiêu giảm nghèo tại địa bàn đó để thực hiện đầu tư có hiệu quả, có tính khả thi cao. Gồm có các nguồn vốn cụ thể như sau:

1. Nguồn vốn ngân sách Trung ương:

a) Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ trực tiếp cho hai chương trình mục tiêu quốc gia (Xây dựng nông thôn mới và Giảm nghèo bền vững) hàng năm và cả giai đoạn.

b) Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

c) Nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu của Trung ương phát triển kinh tế - xã hội các vùng thực hiện đầu tư trên địa bàn các xã của tỉnh.

d) Các nguồn vốn khác do Trung ương hỗ trợ theo ngành, lĩnh vực quản lý.

đ) Nguồn vốn ODA, NGO thực hiện trên địa bàn các huyện, thị xã và các xã trên địa bàn tỉnh.

e) Các nguồn vốn vay tín dụng thực hiện đầu tư trên địa bàn các huyện và các xã trên địa bàn tỉnh.

2. Nguồn vốn ngân sách địa phương:

a) Nguồn ngân sách tỉnh; ngân sách huyện và ngân sách xã thực hiện đầu tư trên địa bàn các xã nhằm đạt các mục tiêu và tiêu chí xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

b) Các nguồn vốn vay ưu đãi của tỉnh nhằm thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đầu tư trực tiếp vào địa bàn các xã của tỉnh.

3. Nguồn vốn huy động:

a) Huy động từ các nhà đầu tư, doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế trên địa bàn đầu tư xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo.

b) Vốn đóng góp của cá nhân, của nhân dân trên địa bàn các xã thụ hưởng các chương trình mục tiêu quốc gia (có thể bằng: tiền mặt, bằng hiện vật, bằng ngày công lao động,...) để thực hiện các chương trình.

c) Các khoản viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân nước ngoài.

d) Huy động các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 4. Cơ chế lồng ghép

1. Nguyên tắc lồng ghép:

a) Lồng ghép các nguồn vốn trên địa bàn là sử dụng nguồn lực của nhiều chương trình, dự án để đầu tư thực hiện một hay nhiều công trình trên địa bàn xã

nông thôn mới và thực hiện các mục tiêu giảm nghèo bền vững và phải bảo đảm tính hiệu quả của các chương trình, dự án tham gia lồng ghép.

b) Việc lồng ghép các nguồn vốn xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững được thực hiện đồng bộ từ khâu lập kế hoạch, phân bổ, giao dự toán ngân sách đến tổ chức thực hiện, giám sát và đánh giá kết quả khi hoàn thành mục tiêu.

c) Việc lồng ghép các nguồn vốn phải được thực hiện cụ thể, xác định thứ tự ưu tiên đối với từng công trình, từng tiêu chí và ưu tiên đầu tư cho các xã hoàn thành xây dựng nông thôn mới đến năm 2020 theo Nghị quyết của Tỉnh ủy và kế hoạch của UBND tỉnh đã phê duyệt.

d) Quá trình thực hiện lồng ghép nguồn vốn phải bảo đảm không làm thay đổi các mục tiêu, tiêu chí, cơ cấu nguồn vốn và nhiệm vụ riêng của từng chương trình, dự án và phải phù hợp với bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới của tỉnh được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 391/QĐ-UBND ngày 07/3/2017; ưu tiên các tiêu chí cần tập trung hoàn thành sớm để phát huy hiệu quả, tăng thu nhập cho người dân. Đối với việc giảm nghèo cho người dân thụ hưởng từ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (chủ yếu tại huyện Tuy Đức và huyện Đắk Glong và một số xã biên giới trên địa bàn tỉnh) phải bảo đảm giảm tỷ lệ hộ nghèo hằng năm theo kế hoạch của UBND tỉnh, gắn tiêu chí của Chương trình giảm nghèo với các tiêu chí số 9 "Nhà ở dân cư", tiêu chí số 10 "Thu nhập", tiêu chí số 11 "Hộ nghèo", tiêu chí số 12 "Lao động có việc làm", tiêu chí số 13 "Tổ chức sản xuất".

đ) Phần vốn ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh xây dựng nông thôn mới về nguyên tắc lồng ghép là mang tính hỗ trợ và giao quyền tự chủ cho UBND xã, cộng đồng và người dân thực hiện; từ nguồn hỗ trợ đó, UBND xã huy động các nguồn vốn khác và bảo đảm huy động đủ nguồn lực để thực hiện hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới.

e) Nguyên tắc huy động đóng góp của người dân thực hiện hai chương trình nông thôn mới và giảm nghèo bền vững: Thực hiện huy động sự đóng góp của người dân trên địa bàn trên nguyên tắc tự giác, tự nguyện, công khai, minh bạch, huy động trên nhiều hình thức (đóng góp bằng tiền mặt, bằng hiện vật, bằng ngày công lao động,...); đối với những hộ gia đình nghèo, cận nghèo và những thôn, xã đặc biệt khó khăn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 và Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 thì không huy động bằng tiền mặt, bằng hiện vật mà chỉ huy động bằng ngày công lao động. Cộng đồng tự thỏa thuận về chế độ miễn, giảm trong việc đóng góp thực hiện đầu tư xây dựng mới, duy tu bảo dưỡng công trình thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia đối với các trường hợp khó khăn.

2. Cách thức lồng ghép:

a) Đối với các dự án đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững:

- Một dự án đầu tư xây dựng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia có thể đầu tư bằng một hoặc nhiều nguồn vốn khác nhau để đạt được mục tiêu (nguồn vốn ngân sách nhà nước: Trung ương, tỉnh, huyện, xã và nguồn vốn huy động hoặc huy động sự tham gia xây dựng, kiểm tra, giám sát của nhân dân trên địa bàn).

- Các công trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông: Đường giao thông thôn, xóm, buôn, bon, giao thông nội đồng và kênh mương nội đồng thực hiện theo hình thức nhà nước hỗ trợ bằng vật liệu xây dựng quy ra bằng tiền theo quy định tại Nghị quyết số 29/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh và các Nghị quyết sửa đổi, bổ sung.

- Các công trình, dự án đầu tư xây dựng hạ tầng (Trường Tiểu học, Trung học cơ sở, đường giao thông đến trung tâm xã, trường mầm non, nhà văn hóa, công trình thể thao xã, thôn, buôn, bon, đường vào nghĩa trang xã, cấp nước sinh hoạt tập trung, thoát nước thải khu dân cư, hạ tầng các khu sản xuất tập trung, tiêu thủ công nghiệp, thủy sản): Thực hiện theo tỷ lệ và nguyên tắc quy định tại Nghị quyết số 28/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Việc lồng ghép các nguồn vốn phải phân định rõ được từng khối lượng đối với từng nguồn vốn, tránh chồng chéo, trùng lắp. Cơ cấu các nguồn vốn lồng ghép phải thể hiện cụ thể trong hồ sơ dự án, để cơ quan quản lý kế hoạch cân đối nguồn vốn chương trình, dự án đang triển khai trên địa bàn, tham mưu cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án.

b) Các bước thực hiện lồng ghép:

- Bước lập quy hoạch chi tiết xây dựng nông thôn mới: Các địa phương từ xã, huyện, thị xã khi tổ chức lập, thẩm định, trình phê duyệt quy hoạch xây dựng nông thôn mới cần xác định cụ thể các nhóm chương trình, dự án cần được lồng ghép, lập phương án lồng ghép và lấy ý kiến các cơ quan liên quan theo quy định về phương án lồng ghép. Các cơ quan, đơn vị và địa phương được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về phương án lồng ghép đó trong thời hạn 05 ngày làm việc. Sau khi đã thống nhất về phương án lồng ghép, các đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp cùng thực hiện.

- Xây dựng, duyệt kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội: Hằng năm, vào thời điểm xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, các huyện, thị xã lập và tổng hợp kế hoạch lồng ghép các chương trình, dự án cho các mục tiêu của chương trình thuộc địa bàn trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và chủ chương trình ở tỉnh để tổng hợp, cân đối nguồn vốn ngân sách nhà nước dự kiến đầu tư vào địa bàn huyện, xã dự kiến có dự án lồng ghép (theo mẫu ban hành kèm theo Quy định này). Việc lập Kế hoạch đầu tư cấp xã hằng năm và giai đoạn 2017-2020 để xác

định các nguồn lực đầu tư ngay từ bước đầu, tạo cơ sở để thực hiện các bước tiếp theo của quá trình lồng ghép nguồn vốn các chương trình mục tiêu quốc gia theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Thông tư số 01/2017/TT-BKHĐT ngày 14/02/2017.

- Lập, thẩm định và phê duyệt các chương trình, dự án khác đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn: Các chương trình, dự án khác khi đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, tùy theo mục tiêu nhiệm vụ, sẽ được định hướng đầu tư theo tiêu chí của Bộ tiêu chí Quốc gia xây dựng nông thôn mới được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới của tỉnh được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 391/QĐ-UBND ngày 07/3/2017. Khi lập, thẩm định, các cơ quan được giao chủ trì có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản hoặc kết hợp với khảo sát thực địa tại hiện trường để thống nhất với các cơ quan, địa phương liên quan.

- Quy trình thực hiện đầu tư các dự án lồng ghép: Đối với các dự án có sử dụng phần lớn nguồn vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia không thuộc dự án nhóm C, quy mô nhỏ theo quy định tại Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 thì thực hiện các quy trình đầu tư theo quy định của các Chương trình mục tiêu quốc gia và theo các quy định của pháp luật hiện hành; đối với các dự án nhóm C có quy mô nhỏ, có kỹ thuật không phức tạp thì thực hiện theo quy trình rút gọn quy định tại Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của UBND tỉnh; Quy trình thanh, quyết toán các công trình trên đối với phần vốn hỗ trợ trực tiếp từ các chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo quy định tại Thông tư số 349/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính Quy định về thanh toán, quyết toán nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020.

3. Các nguồn vốn lồng ghép: nguồn vốn lồng ghép để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2017 - 2020 bao gồm các nguồn vốn sau:

a) Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia, gồm:

- Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan thường trực): Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020. Gồm nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp của Chương trình từ ngân sách Trung ương, vốn ngân sách tỉnh, huyện, xã; nguyên tắc phân bổ cho các huyện, xã để thực hiện theo quy định tại Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg ngày 22/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020. Nguồn vốn này bao gồm cả nguồn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp Trung ương hỗ trợ thực hiện chương trình.

- Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan thường trực chương trình giảm nghèo bền vững; Ban Dân tộc tỉnh là cơ quan thường trực chương trình 135): Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020. Về tiểu dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng tại các xã đặc biệt khó khăn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 và Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 (tỉnh Đắk Nông được phê duyệt đầu tư thuộc Chương trình 135 là 18 xã), do đó các xã thuộc đối tượng nói trên khi thực hiện lập kế hoạch đầu tư công nguồn vốn này hằng năm và cả giai đoạn phải kết hợp với các tiêu chí xây dựng nông thôn mới của huyện, xã phấn đấu đạt mục tiêu trong năm và cả giai đoạn.

b) Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ và vốn hỗ trợ có mục tiêu đang triển khai trên địa bàn nông thôn bao gồm: (1) Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng; (2) Hỗ trợ huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo; (3) Chương trình đầu tư hạ tầng du lịch.

Đối với các nguồn vốn này yêu cầu phải bố trí lồng ghép phù hợp, bảo đảm kết nối hoàn thành các tiêu chí xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo.

c) Nguồn vốn đầu tư hạ tầng điện nông thôn: Thực hiện lồng ghép hoàn thành tiêu chí số 4 "Điện" tại bộ tiêu chí nông thôn mới tại các xã, các thôn thuộc vùng dự án.

d) Vốn đầu tư nước ngoài đầu tư trên địa bàn các xã xây dựng nông thôn mới (bao gồm ODA, NGO, FDI,...): Trong quá trình lập dự án và triển khai thực hiện, tùy theo mục tiêu, tiêu chí của từng nguồn vốn (nhà tài trợ) mà thực hiện lồng ghép hoặc thu hút đầu tư vào các lĩnh vực sau:

- Lồng ghép đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp (nông nghiệp, thủy lợi, lâm nghiệp, giao thông,...) và kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vùng nông thôn; hỗ trợ phát triển sản xuất,...

- Lồng ghép thu hút đầu tư các dự án sản xuất nông nghiệp, công nghiệp phục vụ nông nghiệp (chế biến, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch, hỗ trợ sản xuất giống cây trồng vật nuôi, tiêu thụ sản phẩm,...), nhằm nâng cao giá trị sản xuất, tăng thu nhập cho người lao động.

đ) Ngân sách tỉnh: Nguồn ngân sách tỉnh tập trung đầu tư cho lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, giáo dục, y tế và khoa học công nghệ. Nguồn vốn này ưu tiên cho các xã khó khăn, các xã không thuộc đối tượng được hưởng lợi nhiều từ các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình hỗ trợ có mục tiêu của Chính phủ để tập trung hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới và giảm nghèo.

e) Ngân sách huyện, xã: Nguồn ngân sách của huyện trích đầu tư xây dựng nông thôn mới cho các xã theo hướng hỗ trợ để kích thích, thu hút các nguồn vốn khác và trao quyền tự chủ cho người dân và cộng đồng tự tổ chức thực hiện;

nguồn vốn này tập trung vào những công việc có khả năng tạo xúc tác để thu hút các nguồn vốn từ đóng góp của cộng đồng dân cư và doanh nghiệp cùng góp vốn thực hiện; đồng thời, nguồn vốn này cần ưu tiên đầu tư cho phát triển sản xuất.

g) Nguồn vốn tín dụng: Gồm vốn tín dụng ưu đãi đầu tư phát triển của Nhà nước và vốn tín dụng thương mại. Nguồn vốn tín dụng ưu đãi đầu tư của Nhà nước được phân bổ cho các huyện để thực hiện chương trình kiên cố kênh mương, phát triển giao thông nông thôn, hạ tầng làng nghề nông thôn hoặc mua xi măng và các vật liệu cần thiết khác hỗ trợ cho các xã điểm nông thôn mới để xây dựng hệ thống giao thông nội đồng, kiên cố hoá kênh mương nội đồng, làm cơ sở để góp phần thực hiện các tiêu chí giao thông, thủy lợi, thu nhập.

h) Vốn xã hội hoá: Gồm vốn đầu tư của doanh nghiệp; các khoản đóng góp tự nguyện của nhân dân trong xã; vốn huy động từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và các nguồn huy động hợp pháp khác của chủ đầu tư.

i) Nguồn vốn ngân sách xã thu từ đấu giá quyền sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn xã để đầu tư xây dựng đạt các nội dung xây dựng nông thôn mới (thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh).

Điều 5. Kế hoạch thực hiện lồng ghép các nguồn vốn

1. Bắt đầu từ tháng 01 hằng năm, Ủy ban nhân dân các xã căn cứ các tiêu chí xây dựng nông thôn mới và tình hình thực tế của địa phương, lập kế hoạch thực hiện xây dựng nông thôn mới cho năm tiếp theo (trong đó cần xác định rõ những tiêu chí, mục tiêu nào cần đạt trong năm, những tiêu chí nào xác định đạt trong giai đoạn 2017 - 2020); tổ chức lấy ý kiến đóng góp của người dân, cộng đồng và các đối tượng có liên quan khác về danh mục công trình dự kiến ưu tiên đầu tư, trình Hội đồng nhân dân xã thông qua và gửi UBND huyện để tổng hợp. Danh mục công trình, dự án ưu tiên đầu tư phải có trong danh mục công trình, dự án của đề án xây dựng nông thôn mới của xã. Trình tự thực hiện việc lập kế hoạch thực hiện theo quy định tại Thông tư số 01/2017/TT-BKHĐT ngày 14/02/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Thời gian hoàn thành trước ngày 30 tháng 5 hằng năm.

2. UBND các huyện, thị xã rà soát danh mục đề xuất kế hoạch thực hiện đề án xây dựng nông thôn mới của các xã, tổng hợp Kế hoạch chung toàn huyện (bao gồm danh mục các công trình, dự án và đề xuất kế hoạch lồng ghép các nguồn vốn) gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh để tổng hợp.

Thời gian hoàn thành trước ngày 30 tháng 6 hằng năm.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc tỉnh, Văn phòng Điều phối chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan tổng hợp, xây dựng kế hoạch thực hiện các chương

trình mục tiêu quốc gia toàn tỉnh, kế hoạch lồng ghép để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, trình UBND tỉnh phê duyệt và trình các Bộ, ngành Trung ương có liên quan để tổng hợp.

Thời gian hoàn thành trước ngày 20 tháng 7 hằng năm.

Điều 6. Cơ chế quản lý các nguồn vốn

1. Nguyên tắc: Việc quản lý các nguồn vốn được thực hiện như sau:

a) Các nội dung đầu tư mà ngân sách Nhà nước (Trung ương, tỉnh, huyện, xã) hỗ trợ chiếm từ 50% vốn trở lên thì thực hiện theo các quy định tại Quyết định này và các quy định hiện hành về quản lý vốn đầu tư công.

b) Các nội dung đầu tư mà ngân sách Nhà nước hỗ trợ chiếm dưới 50% vốn thì cơ chế quản lý do Ban quản lý xã và nhà tài trợ (nếu có) tự quy định nhưng phải tự chịu trách nhiệm về chất lượng, quản lý tài chính và hiệu quả đầu tư các nội dung được lựa chọn thực hiện. Đối với nội dung đầu tư sử dụng vốn ODA thì thực hiện theo Hiệp định ký kết với đối tác cấp ODA.

c) Đối với nguồn vốn địa phương tự huy động 100% thực hiện các tiêu chí nông thôn mới thì do địa phương quyết định phương thức thực hiện, thanh toán và quản lý.

d) Đối với nguồn vốn huy động 100% từ các nhà đầu tư, doanh nghiệp thực hiện các tiêu chí nông thôn mới tại địa bàn thì thực hiện theo quy định của nhà tài trợ nhưng phải phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Cơ chế quản lý đầu tư:

a) Đối với các nguồn vốn lồng ghép từ chương trình mục tiêu quốc gia; nguồn hỗ trợ có mục tiêu của Chính phủ, vốn trái phiếu Chính phủ và các nguồn vốn ODA, NGO:

Thực hiện theo các quy định của tỉnh ban hành quy định một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp chương trình, dự án có quy định riêng thì được áp dụng theo quy định riêng của chương trình, dự án đó.

b) Đối với nguồn vốn đầu tư trực tiếp từ chương trình mục tiêu quốc gia và vốn ngân sách tỉnh đầu tư xây dựng nông thôn mới:

- Chủ đầu tư: chủ đầu tư các dự án xây dựng công trình hạ tầng trên địa bàn xã là Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới (gọi tắt là BQL xã), BQL xã do UBND xã quyết định thành lập; trình tự, thủ tục thực hiện theo hình thức rút gọn quy định tại Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016, tỷ lệ nguồn vốn được hỗ trợ theo khu vực quy định tại Nghị quyết số 28/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Đối với các công trình có yêu cầu kỹ thuật cao, đòi hỏi có trình độ chuyên môn mà BQL xã không đủ năng lực và không nhận làm chủ đầu tư thì UBND huyện giao cho Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng huyện làm chủ đầu tư và có sự tham gia của Lãnh đạo BQL xã.

- Thẩm quyền lập báo cáo kinh tế kỹ thuật (báo cáo KTKT):

+ Đối với các dự án có quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp, có tổng mức đầu tư dưới 05 tỷ đồng, việc lập, thẩm định báo cáo KTKT thực hiện theo các quy định tại Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ.

+ Đối với các công trình quy mô nhỏ, kỹ thuật đơn giản đã được ban hành thiết kế mẫu, đã được ban hành danh sách công trình đặc thù: Dựa trên cơ sở thiết kế mẫu, thiết kế điển hình và danh mục công trình đặc thù do UBND tỉnh ban hành, hoặc do UBND tỉnh ủy quyền cho các cơ quan chuyên môn trực thuộc ban hành chỉ cần lập dự toán đơn giản và chỉ định cho người dân và cộng đồng trong xã tự thi công, tự giám sát có sự tham gia hướng dẫn của BQL xã.

+ Đối với các công trình có tổng mức đầu tư trên 03 tỷ đồng đến dưới 05 tỷ đồng có yêu cầu kỹ thuật cao và công trình có tổng mức đầu tư 05 tỷ đồng thì việc lập báo cáo KTKT, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán phải do đơn vị có tư cách pháp nhân thực hiện. Việc lựa chọn đơn vị tư vấn lập báo cáo KTKT thực hiện theo quy định hiện hành.

- Kinh phí lập báo cáo KTKT được bố trí trong kế hoạch hằng năm từ nguồn vốn ngân sách đầu tư cho công trình, dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia.

c) Thẩm quyền quyết định đầu tư:

- UBND huyện, thị xã là cấp quyết định đầu tư, phê duyệt báo cáo KTKT các công trình có mức vốn đầu tư trên 3 tỷ đồng đến 05 tỷ đồng có nguồn gốc từ ngân sách có yêu cầu kỹ thuật cao, phức tạp. Về quy trình, kỹ thuật và thực hiện các tiêu chuẩn đầu tư xây dựng, thực hiện theo các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng.

- Đối với những dự án đầu tư có yêu cầu kỹ thuật không phức tạp, quy mô nhỏ dưới 05 tỷ đồng, đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục dự án đặc thù và có thiết kế mẫu: Các quy trình quyết định đầu tư thực hiện theo quy định tại Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của UBND tỉnh.

d) Hồ sơ trình thẩm định phê duyệt báo cáo KTKT:

- Đối với các công trình có mức vốn đầu tư trên 3 tỷ đồng đến 05 tỷ đồng có nguồn gốc từ ngân sách có yêu cầu kỹ thuật cao, phức tạp thì thực hiện theo các quy định hiện hành về đầu tư, xây dựng.

- Đối với những dự án đầu tư có yêu cầu kỹ thuật không phức tạp, quy mô nhỏ dưới 05 tỷ đồng, đã được UBND tỉnh phê duyệt danh mục dự án đặc thù và thiết kế mẫu: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của UBND tỉnh.

đ) Lựa chọn nhà thầu: Lựa chọn nhà thầu xây dựng các công trình hạ tầng được áp dụng theo các hình thức sau:

- Giao cho cộng đồng dân cư thôn (những người hưởng lợi trực tiếp từ chương trình) tự thực hiện xây dựng.

- Lựa chọn nhóm thợ, cá nhân trong xã có đủ năng lực để xây dựng.

- Lựa chọn nhà thầu thông qua hình thức đấu thầu (theo quy định hiện hành).

Trong ba hình thức trên thì khuyến khích thực hiện theo hình thức giao cho cộng đồng dân cư hưởng lợi trực tiếp từ công trình thực hiện hoặc giao cho nhóm thợ, cá nhân trong xã có đủ năng lực thực hiện xây dựng.

e) Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu xây dựng: Tùy theo hình thức thi công và nguồn vốn, cũng như hình thức thực hiện dự án mà xác định thẩm quyền lựa chọn nhà thầu xây dựng (cụ thể Chủ tịch UBND xã phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu thi công các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng do cộng đồng, nhóm thợ và cá nhân trong xã thực hiện trên cơ sở đề nghị của BQL xã; Chủ tịch UBND huyện phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu xây dựng các dự án do UBND xã, do Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng huyện thực hiện đối với các dự án có yêu cầu kỹ thuật cao, phức tạp, được lựa chọn nhà thầu qua hình thức đấu thầu theo quy định hiện hành).

g) Tổ chức giám sát thi công xây dựng công trình bao gồm: Chủ đầu tư, tư vấn giám sát và ban giám sát cộng đồng. Chủ đầu tư lựa chọn đơn vị tư vấn có đủ năng lực giám sát thi công đối với những dự án có yêu cầu kỹ thuật cao, phức tạp. Trường hợp không có tổ chức tư vấn giám sát thi công theo quy định, tùy theo điều kiện cụ thể, chủ đầu tư tổ chức thực hiện giám sát thi công và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

h) Nghiệm thu, bàn giao, quản lý khai thác công trình:

- Nghiệm thu công trình: chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu công trình hoàn thành; thành phần gồm: đại diện UBND xã, đại diện BQL xã; đại diện các đơn vị: Tư vấn thiết kế, thi công, tư vấn giám sát, giám sát của chủ đầu tư; đại diện ban giám sát của xã và đại diện tổ chức, cá nhân quản lý sử dụng công trình tùy theo loại dự án, hình thức thi công.

- Bàn giao quản lý, khai thác công trình: Sau khi nghiệm thu, chủ đầu tư phải bàn giao công trình và bàn giao toàn bộ hồ sơ, tài liệu có liên quan đến công trình cho UBND xã để giao cho thôn, đơn vị, cá nhân có trách nhiệm quản lý sử dụng, bảo trì.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã đôn đốc, hướng dẫn các xã triển khai thực hiện có hiệu quả quy hoạch xây dựng nông thôn mới, đề án phát triển sản xuất và các nhiệm vụ liên quan khác.

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu lồng ghép các nguồn vốn do ngành quản lý để đầu tư xây dựng nông thôn mới; phối hợp với các Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã xây dựng kế hoạch huy động, thu hút các thành phần kinh tế đầu tư thực hiện các dự án trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

c) Phối hợp với Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới thường xuyên theo dõi để kịp thời nắm bắt những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện ở các địa phương để đề xuất giải quyết, hoặc báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo.

d) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã tổng hợp, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất khi cần cho UBND tỉnh về tiến độ triển khai thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh và kết quả thực hiện lồng ghép các nguồn vốn để thực hiện.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc tỉnh, Văn phòng Điều phối chương trình xây dựng nông thôn mới và các đơn vị liên quan trình UBND tỉnh xem xét, giao dự toán kế hoạch vốn và trình thẩm định chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh theo đúng các quy định hiện hành.

b) Chịu trách nhiệm tổng hợp nhu cầu vốn, xây dựng kế hoạch lồng ghép các nguồn vốn báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

3. Sở Xây dựng:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng thiết kế mẫu, thiết kế điển hình cho các loại công trình theo ngành, lĩnh vực quản lý trình UBND tỉnh xem xét ban hành để triển khai thực hiện. Bảo đảm tính đúng và phù hợp định mức đầu tư các công trình, dự án để các địa phương áp dụng có hiệu quả, bảo đảm tiết kiệm nguồn vốn đầu tư.

b) Định hướng, hỗ trợ UBND các huyện, thị xã giúp các xã lập quy hoạch chi tiết nông thôn mới và trình duyệt theo quy định. Chỉ đạo Trung tâm quy hoạch xây dựng thuộc Sở thực hiện tốt việc tư vấn, lập quy hoạch chi tiết nông thôn mới cho các xã trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

4. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp Kho bạc Nhà nước Đắk Nông, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới và các đơn vị liên quan hướng dẫn thực hiện thanh, quyết toán nguồn kinh phí lồng ghép thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn và Giảm nghèo bền vững theo đúng quy định.

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư về giao kế hoạch vốn hằng năm thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững.

5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

a) Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc triển khai các dự án thành phần thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; tổ chức rà soát, đánh giá, đề xuất và tổng hợp Kế hoạch lồng ghép các nguồn vốn bảo đảm hiệu quả; đồng thời lồng ghép các dự án thành phần thuộc chương trình này với các mục tiêu, tiêu chí chương trình nông thôn mới để phấn đấu đạt các tiêu chí nông thôn mới của các xã vùng dự án.

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu lồng ghép các nguồn vốn do ngành quản lý để đầu tư xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo; phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã xây dựng kế hoạch huy động, thu hút các thành phần kinh tế đầu tư thực hiện các dự án giảm nghèo trên địa bàn tỉnh.

6. Ban Dân tộc tỉnh:

Có trách nhiệm điều phối việc triển khai thực hiện Chương trình 135 (dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020) của tỉnh, định hướng lồng ghép với các chương trình dự án khác tại địa bàn thụ hưởng chương trình để thực hiện các mục tiêu, tiêu chí xây dựng nông thôn mới đạt hiệu quả cao, phấn đấu hoàn thành nhiều tiêu chí hơn tại xã thụ hưởng Chương trình 135.

7. Các sở, ngành liên quan, các Ban quản lý chương trình, dự án khác:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch lồng ghép cụ thể từng chương trình, dự án do mình quản lý, ưu tiên việc lồng ghép vốn cho các xã trong chương trình xây dựng nông thôn mới và thực hiện việc giảm nghèo của tỉnh.

b) Phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc hướng dẫn và đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện chương trình và thanh toán các nguồn vốn có sự kết hợp với các nguồn vốn thuộc các chương trình dự án khác thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh.

8. Kho bạc Nhà nước tỉnh, huyện:

Chủ trì hướng dẫn hồ sơ, thủ tục thanh toán vốn cho các dự án theo chế độ quy định; định kỳ báo cáo tình hình giải ngân nguồn vốn Chương trình xây dựng nông thôn mới và Giảm nghèo bền vững cho Ban Chỉ đạo tỉnh, huyện.

9. Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh:

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, đánh giá các tiêu chí cho từng xã; hướng dẫn UBND các huyện, thị xã và UBND các xã xây dựng kế hoạch hằng năm, tổng hợp kế hoạch vốn thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các đơn vị liên quan trong việc phân bổ nguồn vốn ngân sách Nhà nước đầu tư trực tiếp cho chương trình xây dựng nông thôn mới.

c) Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành, địa phương tổ chức kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện chương trình; định kỳ 6 tháng, năm và đột xuất theo yêu cầu, tổng hợp tình hình và kết quả thực hiện báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo.

10. UBND các huyện, thị xã:

a) Chịu trách nhiệm xác định và lồng ghép các nguồn vốn đầu tư trên địa bàn; rà soát, tổng hợp kế hoạch lồng ghép nguồn vốn hằng năm gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới và các cơ quan có liên quan.

b) Chỉ đạo UBND các xã tổ chức triển khai thực hiện các chương trình, dự án đầu tư trên địa bàn xã, định kỳ báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh.

c) Phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng kế hoạch huy động, thu hút đầu tư, lồng ghép các nguồn vốn đầu tư trên địa bàn huyện, thị xã.

d) Chỉ đạo Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng huyện thực hiện tốt vai trò chủ đầu tư các công trình, dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia có yêu cầu kỹ thuật cao, phức tạp, xã không đủ năng lực làm chủ đầu tư.

11. UBND các xã:

a) Chịu trách nhiệm lập kế hoạch đầu tư công cấp xã thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia hằng năm và trung hạn, đồng thời rà soát kỹ, sắp xếp theo thứ tự ưu tiên danh mục các công trình, dự án đầu tư trên địa bàn xã, báo cáo UBND huyện, thị xã; đồng thời phải bảo đảm huy động được đủ nguồn vốn ngoài nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện các dự án.

b) Chịu trách nhiệm trực tiếp về công tác quản lý các nguồn vốn ngân sách hỗ trợ và các nguồn vốn xã tự huy động để hoàn thành các tiêu chí; bảo đảm sử dụng đúng mục đích và hiệu quả các nguồn vốn đầu tư trên địa bàn.

c) Chỉ đạo các thôn xây dựng kế hoạch có tính khả thi, phù hợp với tình hình thực tế nguồn lực, không chạy theo nhu cầu chung của từng thôn. Các công trình, dự án đề xuất phải thiết thực, thực sự cần thiết.

d) Định kỳ tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện các dự án, giải ngân các nguồn vốn cho UBND cấp huyện, Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới.

12. Trách nhiệm của các thôn, Tổ kế hoạch thôn:

Có trách nhiệm rà soát các công trình, dự án, các tiêu chí chưa đạt của thôn so với các mục tiêu, tiêu chí thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, từ đó xác định và lập kế hoạch của thôn trình BQL xã (trước khi trình phải họp và có sự thống nhất của nhân dân trong thôn, ít nhất phải có trên 50% đại diện số

hộ gia đình trong thôn tham gia họp và có tỷ lệ đồng ý với bản dự thảo kế hoạch trên 50%). Tổ kế hoạch thôn được thành lập theo quy định tại Thông tư số 01/2017/TT-BKHĐT ngày 14/02/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung Quy định

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc hoặc cần sửa đổi, bổ sung, các cơ quan, đơn vị có ý kiến bằng văn bản gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Người ký: Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Nông
Email: ubnd@daknong.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Đắk Nông
Thời gian ký: 07.08.2017 10:55:30 +07:00

Nguyễn Bốn

Phụ lục

HUYỆN (XÃ): .....

KẾ HOẠCH LỒNG GHÉP CÁC NGUỒN VỐN THUỘC CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM.....

(Ban hành kèm theo Quyết định số 17/2017/QĐ-UBND, ngày 07 tháng 8 năm 2017 của UBND tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục chương trình	Kế hoạch năm 2017							Ước khối lượng thực hiện từ 01/01/2017 đến 31/12/2017							Ước giải ngân từ 01/01/2017 đến 31/12/2017					Kế hoạch vốn năm 2018					Ghi chú
		Tổng số	Trong đó: NSNN				Nguồn vốn lồng ghép		Tổng số	Trong đó: NSNN				Nguồn vốn lồng ghép		Tổng số	Trong đó: NSNN				Tổng số	Vốn NTM	Vốn GNBV	Vốn lồng ghép		
			ĐTPT		Sự nghiệp		ĐTPT	Sự nghiệp		ĐTPT		Sự nghiệp		ĐTPT	Sự nghiệp		ĐTPT		Sự nghiệp					NSNN	Khác	
			Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước				Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước				Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước						
1	2	3	4	5	6	7			8	9	10	11	12			13	14	15	16	17	18	19		20	21	22
	TỔNG SỐ																									
I	Ngân sách Trung ương																									
1	Công trình, dự án...																									
2	Công trình, dự án...																									
3	.....																									
II	Ngân sách Tỉnh																									
1	Công trình, dự án...																									
2	Công trình, dự án...																									
3	.....																									
III	Ngân sách huyện																									
1	Công trình, dự án...																									
2	Công trình, dự án...																									
3	.....																									
IV	Ngân sách xã																									
1	Công trình, dự án...																									
2	Công trình, dự án...																									
3	.....																									
V	Cả ngân sách TW, tỉnh, huyện, xã																									
1	Công trình, dự án - Hạng mục A - Hạng mục B....																									
2	Công trình, dự án...																									